

PHAN BOI CHAU WITH CONFUCIAN STUDIES

NGUYỄN KHUÊ

College of Social Sciences and Humanities

(Received Mar. 26, 1998)

Abstract:

Phan Boi Chau, a revolutionary Confucian scholar, lived in the transitional period of the Confucian decline and the replacement of Western studies for the traditional ones. In the context of countless misconceptions on learning, or little understanding of Confucianism, Phan Boi Chau wrote "Khong Hoc Dang" Book (The Lamp of Confucianism) aiming at redefining the purpose of learning, highlighting the Confucian learning spirit to maintain good behaviors in life. As held by Phan Boi Chau, the old learning was the foundation, the new learning the material for a beautiful castle. Learning was not to serve as slaves to the past nor to the present. Phan Boi Chau divided the Book, in accordance with its content, into "Luan Ngu", "Dai hoc" and "Trung Dung" with different titles for better translation and interpretation, not just translating from the first chapter to the last one as many other scholars would do. Phan Boi Chau displayed the Confucian history from the early time to the making of the nation with a very methodical, logical chronicle, highlighting the core values of the doctrine. Interpreting the Confucian thinking, Phan was not dependent upon the old thoughts to the national issues and others facing society then. In general, Phan Boi Chau possessed a new outlook and independent thinking, bringing into full play the essence of the doctrine of Kong zi and Meng zi.

PHAN BỘI CHÂU VỚI NHO HỌC

(Nhận được ngày 26/3/1998)

Tóm tắt:

Phan Bội Châu, một nhà nho cách mạng, sống vào buổi giao thời của Nho học suy tàn và Tây học đang thay thế dần cho cái học cũ. Trước thực trạng nhiều người có quan niệm sai lầm về sự học, không hiểu hoặc hiểu không đúng Nho học, Phan Bội Châu biên soạn bộ sách Khổng học đăng nhằm đặt lại vấn đề mục đích của sự học, xiển minh cái tinh thần của Nho học để duy trì thể đạo nhân tâm. Theo Phan Bội Châu, cái học cũ là nền tảng, cái học mới là vật liệu, hai bên giúp nhau để xây dựng một tòa nhà đẹp đẽ. Học không phải để làm nô lệ cho người đời xưa mà cũng không phải để làm nô lệ cho người đời nay. Phan Bội Châu chia nội dung các sách Luân ngữ, Đại học và Trung dung thành những đề mục khác nhau để dịch và diễn giải, chứ không dịch từ thiên đầu đến thiên cuối

như các dịch giả khác vẫn làm. Phan Bội Châu trình bày lịch sử Nho học từ khởi thủy đến đầu thời Dân quốc theo một trình tự hợp lý, khoa học và nêu bật được cái cốt tủy của học thuyết mỗi nhà. Về diễn giải tư tưởng Nho gia, Phan Bội Châu không lệ thuộc vào ý kiến của người xưa, lấy ý riêng mà giải thích và cải chú những giải thích của Tống Nho, lại liên hệ tư tưởng của thánh hiền với việc nước ta và việc ngày nay. Tổng chi, Phan Bội Châu có một nhãn quan mới mẻ, có tinh thần độc lập về tư tưởng, không nệ cổ, phát huy được phần tinh hoa của học thuyết Khổng Mạnh.

Phan Bội Châu (1867 - 1940) sinh ra và lớn lên trong thời mất nước, Nho học suy tàn, Tây học dần dần chiếm ưu thế, rồi cuối cùng thay hẳn cho cái học cũ. Thời bấy giờ nhiều người quan niệm sai lầm về sự học, không hiểu hoặc hiểu không đúng Nho học. Chính Phan Bội Châu cũng là nạn nhân của cái học khoa cử hủ bại. Vì thế, năm 1929, khi Phan Bội Châu bị Pháp giam lỏng tại Bến Ngự (Huế), cụ đã đặt lại vấn đề mục đích của sự học, xiển minh cái tinh thần của Nho học để phù trì thế đạo nhân tâm. Bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu nhãn quan của Phan Bội Châu, một nhà Nho cách mạng, về Nho học qua bộ sách Khổng học đăng của cụ.

I. QUAN NIỆM CỦA PHAN BỘI CHÂU VỀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC HỌC

Thời bấy giờ là giao thời của Nho học và Tây học. Người thì bái bác cái học cũ, người thì công kích cái học mới. Không những thế, người ta còn quan niệm sai lầm về mục đích của việc học. Phan Bội Châu đã mạnh mẽ bày tỏ ý kiến của cụ về việc học.

I.1. Cái học cũ và cái học mới tương thành cho nhau

Theo Phan Bội Châu, cái học cũ, tức Nho học, là cái chân triết lý của châu Á; còn cái học mới, tức Tây học, là khoa học tối tân, hữu ích với nhân sinh của thế giới bây giờ. Cái học cũ không phải là trần hủ, mà cái học mới không phải là phù hoa. Nếu học cho đúng tinh thần của sự học thì cũng giống như làm nhà : cái học cũ là nền tảng, mà cái học mới là vật liệu, hai bên giúp cho nhau để xây dựng nên một tòa nhà đẹp đẽ.

I.2. Mục đích của việc học

Phan Bội Châu cho rằng cái học cũ không phải là thứ để đánh cắp áo mũ cân đai. Không phải vì cái học cũ, mà chính vì “văn nhân thì chỉ biết ôm cây đợi thỏ, câu nệ theo sách xưa, tọc học tâm chương mà cứ vênh vang đắc chí”, là một trong nhiều nguyên nhân khiến nước ta phải mất vào tay người Pháp[1]. Về cái học mới thì cụ cho rằng đó chẳng phải là cái mồi để cầu mong mẻ-dây kim khánh. Học không phải để làm nô lệ cho người đời xưa, mà cũng không phải để làm nô lệ cho người đời nay.

Vì vậy, Phan Bội Châu nói trước với người đọc rằng : hạng người chỉ tranh ngôi thứ xôi thịt trong đình làng; hạng người muốn lờ loẹt khoe khoang, lấy om còm túi bạc làm mỗi hạnh phúc; hạng người xu quyền phụ thế, lấy đồng bào chủng tộc làm mỗi vinh thân; hạng người định làm nô lệ cho người đời xưa hay định làm nô lệ cho người đời nay thì xin chớ đọc sách Khổng học đăng của tác giả [2].

II. NHO HỌC QUA NHÃN QUAN CỦA PHAN BỘI CHÂU

Cái học về Nho giáo của Phan Bội Châu được cụ viết thành bộ sách Khổng học đăng gồm 2 quyển, dày ngót 800 trang khổ lớn (Huế, Nxb Anh Minh, 1957). Đây là một công trình vừa phiên dịch vừa biên khảo về Nho học rất công phu và rất có giá trị. Trong quyển 1, Phan Bội Châu dịch và diễn giải sách Luân ngữ, Đại học và Trung dung. Trong quyển 2, tác giả trình bày quá trình lịch sử của Nho học từ cận phái, tức từ Mạnh Tử và Tuân Tử, đến viễn phái, tức Nho học từ đời Hán cho đến cuối đời Thanh và đầu thời Dân quốc.

II.1. Dịch và diễn giải theo từng vấn đề

Dịch và diễn giải các sách Luân ngữ, Đại học và Trung dung Phan Bội Châu không theo thứ tự các thiên, các chương từ đầu đến cuối như nhiều dịch giả trước nay vẫn làm. Phan Bội Châu chia nội dung mỗi sách thành nhiều đề mục để dịch và diễn giải. Xin lấy Luân ngữ làm thí dụ. Về sách này, Phan Bội Châu viết thành 18 chương. Trừ chương 1 là Khổng Tử lược truyện và chương 18 là tổng kết luận, Phan Bội Châu lần lượt bàn về các đề mục như : Lý luận và sự thực học về chữ “học” của Khổng Tử – Những tầng thứ công việc học – Chữ “nhân” – Các bộ phận và chi tiết ở trong chữ “nhân” – Phản diện với phụ diện của chữ “nhân” – Nhân với trí, dũng – Công dụng đức “nhân” chứng nghiệm vào việc người đời xưa – Kết luận chữ “nhân” – Lối chính giáo của Khổng học – Đạo thiệp thế quan nhân ở trong Khổng học – Phương pháp biện biệt quân tử với tiểu nhân – Luân lý trong Khổng học (luân lý ở trong gia đình, luân lý ở nơi quốc gia, luân lý ở nơi xã hội) – Qui kết ở công học vấn – Bàn về phương pháp thuộc về tìm thầy kiếm bạn – Cách dạy người của đức Khổng Tử.

Cần nói thêm sách Khổng học đăng được biên soạn năm 1929. Ở thời điểm đó, theo chỗ chúng tôi biết, chưa có ai dịch và diễn giải Luân ngữ, Đại học và Trung dung với một phương pháp mới mẻ như vậy.

II.2. Trình bày lịch sử Nho học theo một thứ tự rất khoa học

Phan Bội Châu trình bày lịch sử Nho học từ khởi thủy, tức từ Khổng Tử, đến đầu thời Dân quốc theo một trình tự hợp lý và rất khoa học. Khổng Tử là ông tổ của Nho học, vì thế, trước hết ở Khổng học đăng thượng thiên, tác giả nói về tiểu sử Khổng Tử, rồi dịch và diễn giải Luân ngữ là sách chứa đựng di ngôn di hành của Khổng Tử được dùng làm khuôn vàng thước ngọc, làm chuẩn mực cho việc tu thân xử thế của Nho gia. Tiếp theo, Phan Bội Châu dành Khổng học đăng trung thiên để nói về đích phái của Nho học, gồm có cao đệ đích truyền của

Khổng Tử là Tăng Tử với sách Đại học do Tăng Tử soạn, và Tử Tư, đích tôn của Khổng Tử, với sách Trung dung do Tử Tư soạn. Ở Khổng học đặng hạ thiên, Phan Bội Châu đề cập đến cận phái của Nho học gồm lược truyện và học thuyết của Mạnh Tử và của Tuân Tử. Sau hết là viễn phái của Nho học qua các đời Lương Hán và Lục Triều, Tống, Nam Tống và Nguyên, Minh, Thanh, cuối triều Thanh và đầu thời Dân quốc.

Khổng học đặng với phương pháp khoa học, với cách trình bày có thứ lớp rõ ràng, lại nêu bật cái cốt tủy của học thuyết mỗi nhà, giúp người đọc hiểu được quá trình lịch sử của Nho học, đồng thời thấy được đạo thống của Nho gia xuyên suốt từ Khổng Tử cho đến đầu thời Dân quốc.

II.3. Cách diễn giải của Phan Bội Châu

II.3.1. Giải thích theo ý riêng, không câu nê sách xưa

Phan Bội Châu thường lấy ý riêng của cụ mà giải thích, không lệ thuộc vào ý kiến của người xưa. Xin đơn cử hai chữ “trung thứ” làm thí dụ.

Theo sách văn tự học của Trung Quốc, chữ 忠 trung là chữ hình thanh (从心中聲 tùng tâm, trung thanh = theo nghĩa chữ tâm, chữ trung chỉ thanh)⁽³⁾. Phan Bội Châu giải thích: “Trung là thế nào? Chữ “trung” (忠) viết ở trên thì chữ “trung” (中) mà dưới thời chữ “tâm” (心). Nghĩa là nhất thiết xử việc tiếp người, tuyền móc ở trong lòng mình ra, không một tí gì dối lòng, ấy là trung...”⁽⁴⁾. Như vậy, Phan Bội Châu hiểu chữ “trung” là chữ hội ý. Cũng theo sách văn tự học của Trung Quốc, chữ 恕 thứ là chữ hình thanh (从心如聲) tùng tâm, như thanh = theo nghĩa chữ tâm, chữ như chỉ thanh)⁽⁵⁾. Phan Bội Châu lại cho chữ này là chữ hội ý. Cụ giải thích: Chữ “thứ” là thế nào? Chữ “thứ” 恕 viết chữ “như” (如) ở trên, chữ “tâm” (心) ở dưới, nghĩa là ứng phó với nhất thiết người, tất thấy xem người như mình. Suy ở trong lòng mình mà đo lường đến lòng người thời biết được lòng người cũng như lòng mình mà đối đãi bằng một cách bình đẳng, bác ái”⁽⁶⁾.

II.3.2. Cải chú những giải thích của Tống Nho

Lại nữa, về những di ngôn di hành của Khổng Tử, Phan Bội Châu cũng có cách hiểu khác với giải thích của Tống Nho. Chỉ xin nêu một thí dụ.

Ở đầu thiên Tử hãn trong Luân ngữ có câu:

子罕言利與命與仁

Tử hãn ngôn lợi dữ mệnh dữ nhân.

Chu Hi, một thạc nho đời Tống, chấm câu như sau: “Tử hãn ngôn lợi, dữ mệnh dữ nhân” và dẫn lời giải thích của Trình Tử, cũng là một thạc nho đời Tống, rằng: “計利則害義命之理微仁之道大皆夫子所罕言也 Kế lợi tác hại nghĩa, mệnh chi lý vi, nhân chi đạo đại, giai phu tử sở hãn ngôn dã = Kế lợi thì hại nghĩa, cái lý của chữ mệnh rất tế vi, cái đạo của nhân rất rộng lớn,

đều là những điều phụ tử ít nói tới"[7]. Nếu căn cứ vào cách chấm câu của Chu Hi và giải thích của Trình Tử, ta phải dịch câu trên là "Thầy ít nói đến lợi, mệnh trời và nhân". Học giả Đoàn Trung Còn dịch câu này là "Đức Khổng Tử ít giảng về việc lợi, về mạng trời và về đức nhân"[8]. Học giả Lê Phục Thiện dịch : "Đức Khổng Tử ít nói về lợi, về thiên mệnh cùng về đạo nhân"[9]. Về câu nói này của Khổng Tử, Phan Bội Châu chấm câu lại như sau : "Tử hân ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân" và giải thích : "Bài này từng lai các nhà chú thích hay giải sai mất nghĩa (...) Lợi là cái gì ? Nhất thiết những món có lợi ích riêng cho mình gọi bằng lợi. Chữ "mệnh" là cái gì ? Nhất thiết những câu dựa vào vận mạng hay mạng số, hay mạng trời, hoặc sinh hoặc tử, hoặc họa hoặc phúc, thầy gọi bằng mệnh. Hễ người đã làm nhân thời không bao giờ tính đến lợi, nếu còn tính đến lợi, tất là "vi phú bất nhân", còn làm sao được nhân nữa ? Hễ người đã làm nhân, tất nhiên phải bỏ sinh tử họa phúc ra ngoài; nếu còn nghĩ tới sinh tử họa phúc, tức đã trói buộc vì chữ "mệnh" rồi, còn lấy gì làm được nhân nữa rư ? Vậy nên đức Khổng Tử không bao giờ nói chữ "nhân" mà lại nói cặp với chữ "lợi", chữ "mệnh". Cao đệ ở trong Khổng môn xét được ý đức Khổng Tử như thế, nên chép rằng : "Tử hân ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân", nghĩa là thầy ít khi nói lợi với mệnh mà kèm kẹp với nhân"[10]. Hiển nhiên cách lý giải của Phan Bội Châu rất phù hợp với đạo lý chữ nhân và tâm thuật của người nhân, đã thâm nhập được vào tinh thần của chữ nhân.

II.3.3. Liên hệ với việc nước nhà và việc ngày nay

Các nhà chú thích Tứ thư, Ngũ kinh thường chỉ lấy việc xưa và là việc Trung Quốc để diễn giải. Phan Bội Châu tiến xa thêm một bước; liên hệ tư tưởng thánh hiền với việc nước ta và việc ngày nay.

Như về câu "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành = Hễ danh đã không chính thời nói ra không được thuận; nói ra không được thuận thời việc ấy làm không nên"[11], Phan Bội Châu diễn giải: "Câu thí dụ trên kia, chứng vào việc Đổng Trác và Lữ Bố rất đúng, lại chứng vào việc Trần Quang Bình và Lê Thái Tổ lại càng đúng lắm"[12].

Về một đoạn trong sách Manh Tử:

Đào Ứng hỏi rằng : "Vua Thuấn làm thiên tử, ông Cao Dao làm quan sĩ, ông Cổ Tẩu giết người, thì xử thế nào ?" Manh Tử đáp: "Ông Cao Dao cứ việc theo pháp luật bắt ông Cổ Tẩu thôi". "Vậy thì vua Thuấn không cấm sao ?" Manh Tử nói : "Vua Thuấn cấm sao được : Cái quyền bắt ấy là do ông Cao Dao đã nhận lãnh ở pháp luật để thi hành"[13]. Từ đoạn trên, Phan Bội Châu phát sinh ra hai ý nghĩa mới: Manh Tử rất trọng chủ nghĩa bình dân và chủ trương tam quyền phân lập. Về ý nghĩa thứ nhất, Phan Bội Châu giải thích: "Thuấn không dám ý quyền thiên tử mà xâm phạm đến quyền tòa án. Cha mình bị tội thời mình phải trộm nách mà đi, hy sinh cái ngôi thiên tử để tôn trọng lấy quyền tư pháp, chẳng phải là theo nghĩa bình dân hay sao ? Bởi vì trong lòng Thuấn xem cha thiên tử cũng như cha bình dân mới thiết là bình dân chủ nghĩa. Mà trong mắt

Cao Dao cũng vậy : bình dân giết người, theo pháp luật phải bắt; cha thiên tử giết người cũng phải bắt. Vì pháp luật mà phải trọng đến bình dân; vì bình dân mà không dám tha một tên sát nhân phạm là cha ông thiên tử...". Về ý nghĩa thứ hai, Phan Bội Châu phân tích : "Thuấn là người đứng đầu địa vị hành chánh. Cao Dao là người đứng đầu địa vị tư pháp. Vì quyền tư pháp là độc lập, mà Thuấn không dám cấm Cao Dao; Cao Dao vì muốn quyền tư pháp được độc lập mà không dám tha tội cha thiên tử (...). Còn như quyền lập pháp là thuộc về quốc dân, lại cao hơn hành chánh, tư pháp thời ở trong sách Manh Tử đã chép rất nhiều, đây không cần viết ra rờm bút"[14]. Thật là một lối giải thích mới mẻ, hợp với tinh thần dân chủ ngày nay.

III. KẾT LUẬN

Không thể tiếp tục sự nghiệp chống Pháp cứu nước được nữa, Phan Bội Châu đã dùng thời gian bị giam lỏng ở Huế để khêu lên ngọn đèn Khổng học bị lu mờ, phát huy cái tinh hoa của Nho học nhằm duy trì thế đạo nhân tâm. Thế mới biết người yêu nước dù ở vào hoàn cảnh nào cũng vẫn nghĩ đến nước đến dân.

Xuất hiện xấp xỉ đồng thời với Khổng học đăng của Phan Bội Châu, có Nho giáo của Trần Trọng Kim[15]. Nếu so sánh hai công trình biên khảo này, chúng ta thấy Phan Bội Châu và Trần Trọng Kim, mỗi vị có một cách tiếp cận Nho học khác nhau, mà cách nào cũng có ưu điểm riêng. Nho giáo của Trần Trọng Kim phản ánh phương pháp nghiên cứu có tính khoa học cao của một nhà tân học am tường cựu học; trong khi Khổng học đăng của Phan Bội Châu cho thấy một nhãn quan mới mẻ, tinh thần độc lập về tư tưởng, không nệ cổ của một nhà nho cách mạng thiết tha với chân đạo lý Khổng Mạnh.

CHÚ THÍCH

- [1]. Phan Bội Châu : Việt Nam vong quốc sử, bản dịch của Nguyễn Quang Tô, Sài Gòn, Nxb. Tao Đàn, 1969, trang 23 - 24.
- [2]. Phan Bội Châu : Khổng học đăng, 2 quyển, Huế, Nxb. Anh Minh, 1957, Phạm Lệ, trang 9 - 10.
- [3]. Thiệu Thi Đàm : Tư thông, Đài Loan, 1962, trang 454.
- [4]. Khổng học đăng, quyển 1, sách đã dẫn, trang 40.
- [5]. Tư thông, sdd, trang 455
- [6]. Khổng học đăng, quyển 1 sdd, trang 40
- [7]. Chu Hi : Tứ thư tập chú, Luân ngữ tập chú, Đài Loan, Thế giới thư cục, 1955, trang 55.

- [8]. Luân ngữ, bản dịch của Đoàn Trung Còn, Sài Gòn, Trí Đức tùng thư, 1954, trang 133.
- [9]. Luân ngữ, bản dịch của Lê Phục Thiện, Sài Gòn, Bộ Văn hóa Giáo dục xuất bản, 1965, tập 2, trang 81.
- [10]. Khổng học đăng, quyển 1, sdd, trang 74 - 75.
- [11]. Luân ngữ, thiên Tử Lộ.
- [12]. Khổng học đăng, quyển 1, sdd, trang 103.
- [13]. Manh Tử, thiên Tân tâm (thượng).
- [14]. Khổng học đăng, quyển 2, sdd, trang 521 - 522.
- [15]. Trần Trọng Kim : Nho giáo, quyển thượng và hạ, Sài Gòn, Nxb. Tân Việt, in lần thứ ba, không để năm in.